

Số: **10731** /BKHĐT-ĐTNN

Hà Nội, ngày **26** tháng **12** năm 2024

V/v Chương trình xúc tiến đầu tư
năm 2025

Kính gửi:

- Các Bộ và cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện quy định tại Điều 92 và Điều 93 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Nghị định số 31/2021/NĐ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có công văn số 4724/BKHĐT-ĐTNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 hướng dẫn các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư (XTĐT) năm 2025 và công văn số 5704/BKHĐT-ĐTNN ngày 19 tháng 7 năm 2024 đơn đốc báo cáo (lần 2).

Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của UBND các địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

I. Về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, một số định hướng lớn năm 2025 và thời gian tới

Năm 2024, nước ta tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng, hoàn thành **14/15** chỉ tiêu chủ yếu, nền kinh tế đã khẳng định sự phục hồi rõ nét, lấy lại được đà tăng trưởng, thể hiện qua một số kết quả nổi bật sau đây:

(1) Tăng trưởng kinh tế cao hơn mục tiêu đề ra; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Tốc độ tăng GDP quý sau cao hơn quý trước; Quý III ước đạt 7,4% so với cùng kỳ, 09 tháng đạt 6,82%, thuộc nhóm dẫn đầu thế giới và khu vực, cả năm phân đầu đạt khoảng 7%.

Tổng vốn FDI đăng ký 10 tháng khoảng 27,3 tỷ USD, tăng 1,9% so với cùng kỳ; vốn FDI thực hiện khoảng 19,6 tỷ USD, tăng 8,8%. Thu hút có chọn lọc, là điểm đến của nhiều tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới trong lĩnh vực công nghệ cao như Apple, Qualcomm, Google, Meta, LAM Research, Qorvo, AlChip... Đặc biệt, việc ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với Tập đoàn NVIDIA vào ngày 05/12/2024 vừa qua về việc thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển và Trung tâm dữ liệu AI tại Việt Nam là sự kiện quan trọng nâng tầm vị thế, hình ảnh của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới về công nghệ, đặc biệt là lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

(2) Công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật được chỉ đạo quyết liệt, với tinh thần cải cách, đổi mới trong tư duy, cách nghĩ, cách làm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Cụ thể là các đối tác phát triển, các nhà đầu tư, doanh nghiệp đang rất mong chờ ngày các Luật được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8 vừa qua có hiệu lực thi hành, kỳ vọng nhiều vấn đề vướng mắc được giải quyết, thủ tục hành chính thông thoáng, cải thiện hơn...

(3) Phát triển kết cấu hạ tầng được thúc đẩy mạnh mẽ, có bước đột phá rõ nét, nhất là hạ tầng giao thông, điện lực. Đã hoàn thành, đưa vào khai thác hơn 2.021 km đường bộ cao tốc, mở ra nhiều không gian phát triển mới, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, mở ra không gian phát triển mới, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia...

(4) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với thúc đẩy mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế. Đã phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam và Chương trình Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

Tại Kỳ họp thứ 8 vừa qua, Quốc hội đã thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2025, trong đó, mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 khoảng 6,5-7% và và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn (7-7,5%), lạm phát bình quân khoảng 4,5%, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 5,3-5,5%...

Bám sát nội dung Nghị quyết, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng và hoàn thiện Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2025 của Chính phủ, trong thể hiện quan điểm lớn của Chính phủ trong chỉ đạo, điều hành kinh tế vĩ mô là phấn đấu tăng trưởng cao hơn, tạo nền tảng và đà tăng trưởng tốt để sẵn sàng bước vào giai đoạn cất cánh, với tốc độ tăng trưởng cao, đạt 2 con số (trên 10%/năm). Theo đó, mọi giải pháp, nỗ lực, cố gắng trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện cần hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 là 8%.

II. Các nhiệm vụ trọng tâm của công tác XTĐT năm 2025

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, giai đoạn bản lề thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030 đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Để đạt được các mục tiêu phát triển KTXH nêu trên, công tác XTĐT của các Bộ, ngành, địa phương cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

- Tìm hiểu các xu thế dịch chuyển kinh tế toàn cầu, phân tích đánh giá lợi thế so sánh của kinh tế Việt Nam.

- Mở rộng hợp tác kinh tế với các nền kinh tế lớn và mới nổi, nhất là tận dụng tối đa cơ hội của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 8 đối tác quan trọng (Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc, Pháp), vừa thúc đẩy, làm sâu sắc và toàn diện hơn trong hợp tác với các thị trường truyền thống, vừa khai thác các thị trường tiềm năng và dư địa lớn khác như khu vực Trung Đông. Các Bộ, ngành, địa phương cần chủ động xây dựng các chương trình hợp tác kinh tế, phát huy hiệu quả của các FTA hiện tại, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng đầu tư, kinh doanh với các đối tác.

- Tăng cường thu hút các nguồn lực phát triển, bao gồm cả đầu tư FDI và nguồn vốn ODA, nhất là nguồn lực để thúc đẩy phát triển các động lực tăng trưởng mới về chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, công nghệ AI, chip bán dẫn, năng lượng tái tạo..., tăng cường tiếp cận, trao đổi, chia sẻ, tiến tới hợp tác, kêu gọi đầu tư của các Tập đoàn kinh tế lớn toàn cầu, đa quốc gia trong các lĩnh vực mới nổi, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “tiến kịp, đi cùng và vượt lên”, nhất là trong lĩnh vực công nghệ.

- Thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài nhằm mở rộng tầm ảnh hưởng kinh tế, tiếp cận và tận dụng hiệu quả các nguồn lực vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản trị, kinh doanh quốc tế ở các nước phát triển như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Australia... đồng thời và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào các địa bàn, lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế (ví dụ như Lào, Campuchia, Vùng Bắc Úc,...), nắm bắt kịp thời thông tin thị trường, từ đó hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua các rào cản đầu tư và kinh doanh tại nước ngoài.

- Đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và y tế,... Coi đây là các lĩnh vực trọng điểm, trụ cột trong hoạt động xúc tiến đầu tư, nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và dẫn đầu trong cuộc đua công nghệ toàn cầu.

- Tập trung nguồn lực để triển khai các định hướng, mục tiêu, nội dung, hoạt động, nhiệm vụ tại Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam và Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 đã được phê duyệt. Tiếp tục thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn về công nghệ, trong đó có lĩnh vực bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, là lĩnh vực có khả năng tạo bứt phá cho Việt Nam; Tập trung hoàn thiện 3 trụ cột cho đổi mới sáng tạo: (i) cơ chế, chính sách; (ii) hạ tầng; và (iii) nguồn nhân lực chất lượng cao.

III. Về chương trình XTĐT năm 2025 của các Bộ, ngành, địa phương

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến về Chương trình XTĐT năm 2025 của từng địa phương tại Phụ lục kèm theo.

b) Một số lưu ý về cách thức thực hiện để các địa phương rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện: (i) Lưu ý thực hiện quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 93 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền và

trách nhiệm gửi dự kiến chương trình XTĐT của năm tiếp theo; (ii) thực hiện đúng quy định về biểu mẫu báo cáo¹⁸.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chương trình XTĐT năm 2025, đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, hoàn thiện chương trình và triển khai thực hiện theo quy định./v

Văn bản kèm theo:

- Phụ lục 1: Báo cáo tình hình xây dựng chương trình XTĐT năm 2025 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Phụ lục 2: Báo cáo tình hình xây dựng chương trình XTĐT năm 2025 của các địa phương;

- Phụ lục 3: Ý kiến chi tiết về chương trình XTĐT của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như trên;

- Lưu: VT, Cục ĐTNN (3b). *v4*



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Thị Bích Ngọc

¹⁸ Tại Phụ lục C, Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định về mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư (sửa đổi tại Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023)

**PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TÌNH HÌNH XÂY DỰNG
CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ NĂM 2025
CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ**

STT	BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ	CHƯƠNG TRÌNH XTĐT 2025		GHI CHÚ
		SỐ CÔNG VĂN	NGÀY CV	
1	Bộ Quốc phòng	2514/BQP	02/07/2024	Có đề xuất CT XTĐT Quốc gia
2	Bộ Công an	7058/ANKT-ANTCĐT	23/07/2024	Không đề xuất
3	Bộ Công thương	5479/BCT-XTTM	29/07/2024	Không đề xuất
4	Bộ Ngoại giao			Không có văn bản
5	Bộ Tư pháp			Không có văn bản
6	Bộ Thông tin và Truyền thông	2708/BTTTT- HTQT	07/10/2024	Có đề xuất CT XTĐT Quốc gia
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	3569/BLĐTBXH-CVL	07/08/2024	Không đề xuất
8	Bộ Giao thông vận tải			Không có văn bản
9	Bộ Xây dựng			Không có văn bản
10	Bộ Giáo dục và Đào tạo			Không có văn bản
11	Bộ Khoa học và Công nghệ			Không có văn bản
12	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5155/BNN-KH	12/07/2024	Có đề xuất CT nhưng sử dụng nguồn của Bộ
13	Bộ Nội vụ			Không có văn bản
14	Bộ Y tế			Không có văn bản
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	4288/BTNMT-KHTC	02/07/2024	Không đề xuất
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2908/BVHTTDL-KHTC	11/07/2024	Không đề xuất
17	Ngân hàng Nhà nước	5543/NHNN-VP	04/07/2024	Không đề xuất
18	Văn phòng Chính phủ	4399/VPCP-KHTC	24/06/2024	Không đề xuất
19	Thanh tra Chính phủ			Không có văn bản
20	Ủy ban Dân tộc	1107/UBDT-KHTC	28/06/2024	Không đề xuất
21	Bộ Tài chính	9100/BTC-KHTC	27/8/2024	Không đề xuất

**PHỤ LỤC 2: BÁO CÁO TÌNH HÌNH
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH XTĐT 2025 CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	ĐỊA PHƯƠNG	SỐ CÔNG VĂN	NGÀY CV	TỔNG KINH PHÍ	KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH	KINH PHÍ XHH	KINH PHÍ ĐỀ XUẤT CT QUỐC GIA	GHI CHÚ
I	Các tỉnh, thành phía Bắc			224.264	216.364	7.900		
1	Bắc Giang	234/UBND-TH	21/7/2024	5.790	5.790			
2	Bắc Kạn	4479/UBND-GTCNXD	02/07/2024	1.060	570	490		
3	Bắc Ninh	1398/KHĐT-KTĐN	28/06/2024	3.040	3.040			Công văn của Sở
4	Cao Bằng	1845/UBND-TH	23/07/2024	1.400	1.150	250		
5	Điện Biên	2916/UBND-KT	28/06/2024	1.690	1.690			
6	Hà Giang	1932/UBND-KTTH	28/06/2024	700	400	300		
7	Hà Nam	119/BC-UBND	09/07/2024	13.300	13.300			
8	Hà Nội	2863/UBND-KH&Đ	29/08/2024	68.835	68.835			
9	Hà Tĩnh	4298/UBND-KT	29/07/2024					Không ghi kinh phí
10	Hải Dương	125/BC-UBND	23/07/2024	8.060	6.100	1.960		
11	Hải Phòng	1662/UBND-TCNS	18/07/2024	10.950	10.950			
12	Hòa Bình	1129/UBND-KTN	15/07/2024	3.360	3.360			
13	Hưng Yên	1813/BC-SKHĐT	11/07/2024	3.220	3.220			Công văn của Sở
14	Lai Châu	2500/UBND-TH	28/06/2024	24.511	24.511			
15	Lạng Sơn	881/UBND-KT	02/07/2024	2.300	2.300			
16	Lào Cai	3451/UBND-KT	28/06/2024	2.620	2.120	500		
17	Nam Định	45/UBND-TT	27/06/2024	2.774	2.774			
18	Ninh Bình	705/UBND-VP4	10/07/2024	5.015	5.015			
19	Nghệ An	5548/UBND-CN	03/07/2024	7.660	6.160	1.500		
20	Phú Thọ	1193/SKH&ĐT-TTXTĐT	28/06/2024	9.150	8.850	300		Công văn của Sở
21	Quảng Bình	1349/UBND-TH	19/07/2024	9.900	7.300	2.600		
22	Quảng Ninh	2286/UBND-GTCN&XD	13/08/2024					Không ghi kinh phí
23	Quảng Trị	3410/UBND-TCTM	25/07/2024	6.570	6.570			
24	Sơn La	3175/UBND-TH	22/07/2024	3.710	3.710			
25	Thái Bình	90/BC-UBND	03/07/2024	4.825	4.825			
26	Thái Nguyên	3232/UBND-TH	21/06/2024					Không ghi kinh phí
27	Thanh Hóa	4522/SKHĐT-ĐTDN	07/07/2024					Không ghi kinh phí, Công văn của Sở
28	Tuyên Quang	2903/UBND-TH	02/07/2024	3.230	3.230			
29	Vĩnh Phúc	5095/UBND-KT6	16/07/2024	16.880	16.880			
30	Yên Bái	2242/UBND-TH	28/06/2024	3.714	3.714			
II	Các tỉnh, thành Miền trung			67.805	65.980	1.825		
1	Huế	7016/UBND-QTXH	08/07/2024	9.000	8.500	500,00		
2	Đà Nẵng	4203/UBND-SKHĐT	02/08/2024	13.360	12.160	1.200,00		
3	Quảng Nam	4967/UBND-KTTH	04/07/2024	6.990	6.990			
4	Quảng Ngãi	3360/UBND-KTTH	26/06/2024	5.390	5.390			
5	Bình Định	5253/UBND-VX	10/07/2024	12.425	12.425			
6	Phú Yên	4050/UBND/TH	05/07/2024	1.840	1.840			
7	Khánh Hòa	8095/UBND/TH	24/07/2024	1.950	1.950			
8	Kon Tum	2403/UBND/TH	09/07/2025	3.040	3.040			
9	Gia Lai	151/BC-UBND	08/08/2025	820	820			
10	Đắk Lắk	219/BC-UBND	11/07/2024	5.990	5.990			
11	Đắk Nông	3845/UBND-KTTH	03/07/2024	4.625	4.625			
12	Lâm Đồng	5926/UBND-KT	16/07/2024	2.375	2.250	125,00		
III	Các tỉnh, thành phía Nam			127.573	122.234	5.339		
1	An Giang	1119/UBND-KTN	20/08/2024	4.700	4.500	200,00		
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	10675/UBND-VP	31/07/2024	9.209	9.209			
3	Bạc Liêu	298/BC-UBND	22/07/2024	1.582	1.582			
4	Bến Tre	4683/UBND-TCĐT	23/07/2024	8.060	8.060			
5	Bình Dương	5043/UBND-KT	10/09/2024					Không ghi kinh phí
6	Bình Phước	285/BC-UBND	28/08/2024	3.910	3.410	500,00		
7	Bình Thuận	2623/UBND-KT	12/07/2024	1.050	450	600,00		
8	Cà Mau	5827/UBND-KT	17/07/2024	4.631	4.631			
9	Cần Thơ	3079/UBND-KT	24/07/2024	3.078	3.078			
10	Đồng Nai	8682/UBND-THNC	25/07/2024					Không ghi kinh phí
11	Đồng Tháp	739/UBND-KT	22/10/2024	1.473	1.473			
12	Hậu Giang	896/UBND-NCTH	08/07/2024	6.900	5.300	1.600,00		
13	Kiên Giang	501/CTr-UBND	07/11/2024	3.237	3.237			
14	Long An	7734/UBND-KTTC	31/07/2024	6.390	6.390			
15	Ninh Thuận	2962/UBND-KTTH	02/07/2024	7.450	6.050	1.400,00		
16	Sóc Trăng	1604/UBND-TH	30/05/2024	1.841	1.841			
17	Tây Ninh	2139/UBND-KT	16/07/2024	1.293	1.148	145,00		
18	Tiền Giang	3985/UBND-TH	02/07/2024	3.455	3.455			

STT	ĐỊA PHƯƠNG	SỐ CÔNG VĂN	NGÀY CV	TỔNG KINH PHÍ	KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH	KINH PHÍ XHH	KINH PHÍ ĐỀ XUẤT CT QUỐC GIA	GHI CHÚ
19	TP. Hồ Chí Minh	5922/UBND-DA	02/10/2024	47.033	46.339	694,20		
20	Trà Vinh	3162/UBND-KT	27/06/2024	8.230	8.230			
21	Vĩnh Long	4217/UBND-KTNV	08/07/2024	4.050	3.850	200,00		
	Tổng 3 vùng			<u>419.642</u>	<u>404.578</u>	<u>15.064</u>		